TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Hoan.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Liền và ông Lê Quang Sỹ.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Ánh Phương, Thư ký toà án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị; địa chỉ: Số F N, phường Q, tỉnh Quảng Trị tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:35/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Văn Thị T, sinh năm 1976; CCCD: 045197000078; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã M, tỉnh Quảng Trị), vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/8/2025.

- Bị đơn: Anh Dương Lâm T1, sinh năm 1976; CCCD: 045197000078; địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã M, tỉnh Quảng Trị), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/5/2025 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 30/8/2025, chị Văn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D Lâm Thời kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) vào ngày 22/4/2011. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống có hạnh phúc, một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, không hòa hợp và không có tiếng nói chung; chồng không lo làm ăn, suốt ngày uống rượu chè say xỉn. Mặc dù vợ đã nhiều lần khyên ngăn để khắc phục nhưng vẫn không được. Do đó, mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, không thể khắc phục được. Chị Văn Thị T xác định không còn tình cảm với anh Dương Lâm T1 nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Thanh H, sinh ngày 31/8/2011 và cháu Dương Thanh T2, sinh ngày 11/8/2014. Chị Văn Thị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu là Dương Thanh H và cháu Dương Thanh T2. Chị Văn Thị T không yêu cầu anh Dương Lâm T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Dương Lâm T1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D Lâm Thời nhưng đến nay anh Dương Lâm T1 vẫn không đến Toà án làm việc và cũng không nộp cho Toà án bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 97, 177, 195, 196, 203, 220, 233 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn chị Văn Thị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Dương Lâm T1 chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D Lâm Thời vẫn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, 57 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Văn Thị T được ly hôn với anh Dương Lâm T1

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Văn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu: Dương Thanh H, sinh ngày 31/8/2011 và cháu Dương Thanh T2, sinh ngày 11/8/2014. Anh Dương Lâm T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Văn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Văn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Dương Lâm T1, anh Dương Lâm T1 có nơi cư trú tại: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã M, tỉnh Quảng Trị). Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 -

Quảng Trị.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên toà, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị T và anh Dương Lâm T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường P, thành phố H) vào ngày 22/4/2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Văn Thị T và anh D Lâm Thời là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau thì thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc; một thời gian sau thì vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, không hòa hợp và không có tiếng nói chung; chồng không lo làm ăn, suốt ngày uống rượu chè say xỉn. Chị Văn Thị T cương quyết được ly hôn với anh Dương Lâm T1 vì không còn tình cảm với anh Dương Lâm T1. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh D Lâm Thời hợp lệ nhưng anh Dương Lâm T1 vẫn không có ý kiến. Do đó, anh Dương Lâm T1 không có thiện chí để đoàn tụ vợ chồng.

Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2025, Hội liên hiệp phụ nữ xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là xã M, tỉnh Quảng Trị) cho biết: Trong quá trình chung sống, giữa chị Văn Thị T và anh Dương Lâm T1 tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm và không quan tâm đến nhau nữa.

Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa chị Văn Thị T và anh D Lâm Thời trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Văn Thị T là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 cháu, Dương Thanh H, sinh ngày 31/8/2011 và cháu Dương Thanh T2, sinh ngày 11/8/2014. Chị Văn Thị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Dương Thanh H và cháu Dương Thanh T2; chị Văn Thị T không yêu cầu anh Dương Lâm T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị Văn Thị T có thu nhập mỗi tháng từ 9.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng và có nơi ở ổn định (có xác nhận của chính quyền địa phương); đồng thời cả 02 cháu Dương Thanh H và cháu Dương Thanh T2 đều có ý kiến ở với chị Văn Thị T. Do đó, cần giao cả 02 cháu: Dương Thanh H và Dương Thanh T2 cho chị Văn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ cần chấp nhận. Anh Dương Lâm T1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu Dương Thanh H và cháu Dương Thanh T2.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Văn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Văn Thị T được ly hôn anh Dương Lâm T1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Thanh H, sinh ngày 31/8/2011 và cháu Dương Thanh T2, sinh ngày 11/8/2014 cho chị Văn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Dương Lâm T1 không phải cấp dưỡng nuôi cháu Dương Thanh H và cháu Dương Thanh T2.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Văn Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số BLTU/2023/0000438 ngày 19/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Quảng Trị). Chị Văn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Văn Thị T và anh D Lâm Thời có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đức H1